**TUẦN 2:**

***Ngày soạn*** *: 08/09/2022*

***Ngày dạy*** *: Thứ Hai ngày 10 tháng 9 năm 2023*

**HOẠT ĐỘNG CỦNG CỐ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+Vận dụng tìm thành phần trong phép tính cộng, trừ.

+ Giải toán có lời văn liên quan đến phép tính cộng ,trừ

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ mở đầu: ( 5ph)**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  Vận dụng tìm thành phần trong phép tính cộng, trừ.  + Giải toán có lời văn liên quan đến phép tính cộng ,trừ | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành. ( 25ph)**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 7 Vở luyện tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 7 Vở luyện tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Hoàn thành bảng sau** **/VLT tr.7**  a/.   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số bị trừ | 60 | 130 |  |  | 100 | 1 000 | | Số trừ |  |  | 75 | 68 |  |  | | Hiệu | 55 | 80 | 25 | 32 | 20 | 400 |   b/   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Thừa số | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | | Thừa số | 1 | 2 | 3 | 3 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | | Tích |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   c/   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số bị chia | 2 | 4 | 6 | 8 | 10 | 12 | 14 | 16 | 18 | 20 | | Số chía | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | | Thương |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *🡺 Gv chốt mối liên hệ phép nhân ,chia 4* | - Cho HS quan sát  - Học sinh trả lời hoàn thiện vào vở:  - HS nối tiếp trả lời  a/.   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số bị trừ | 60 | 130 | **100** | **100** | 100 | 1 000 | | Số trừ | **5** | **50** | 75 | 68 | **80** | **600** | | Hiệu | 55 | 80 | 25 | 32 | 20 | 400 |   b/   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Thừa số | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | | Thừa số | 1 | 2 | 3 | 3 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | | Tích | **2** | **4** | **6** | **8** | **10** | **12** | **14** | **16** | **18** | **20** |   c/   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số bị chia | 2 | 4 | 6 | 8 | 10 | 12 | 14 | 16 | 18 | 20 | | Số chía | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | | Thương | **1** | **2** | **3** | **3** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |  * Học sinh nhận xét |
| **\* Bài 2: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng) (VLT/7)**  a/ Một phép trừ có số bị trừ là 80, hiệu là 15 số trừ là:  A/ 95 B/ 65 C/15  b/ Một phép trừ có số bị trừ là 20, hiệu bằng số trừ, số bị trừ là:  A/ 20 B/0 C/40    - GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: *“hỏi đáp?”*  - Cho học sinh nhận xét  - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.  *🡺 Gv chốt cách so sánh số , tìm số lớn nhất, bé nhất* | - HS lắng nghe cách thực hiện  - HS thực hiện làm bài  a. Khoanh vào B  b/ Khoanh vào C  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát |
| **\* Bài 3: VLT/7:**?  Bạn Đăng sưu tập được một số thẻ đồ chơi, sau khi Đăng cho em 20 thẻ thì còn lại 20 thẻ. Hỏi lúc đầu Đăng có bao nhiêu thẻ đồ chơi?  - GV cho học sinh đọc đề, tìm hiểu đề, tóm tắt, àm vở, 1 em làm phiếu nhóm  - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức  *🡺 Gv chốt cách giải và trình bày toán có lời văn* | - 1 HS nêu cách làm bài  -HS đọc lại nội dung  Bài giải  lúc đầu Đăng có số thẻ đồ chơi là:  20 + 20 = 40 (thẻ)  Đáp số 40 thẻ |
| **\* Bài 4: Viết số thích hợp vào chỗ chấm**  **VLT/7**  Rô -bốt đố Mai: “Hai số nào lớn hơn 0 mà có tích bằng tổng?”. Mai trả lời rất nhanh: “ Câu hỏi của Rô -bốt dễ thế! Hai số đó là … và…”  - GV gọi 1 hs nêu  - GV nhận xét, chốt kết quả:  *🡺 Gv chốt cách tìm số có tổng và tích bằng nhau* | Hs đọc đề nêu cách làm  -Hs nêu kết quả:  Hai số Rô – bốt đố Mai đó là 2 và 2  Vì 2 + 2=4 và 2x 2=4 |
| **3. HĐ Vận dụng: ( 5ph)**  - Học sinh nối tiếp đọc bảng nhân, chia 5  + Viết dãy số đếm thêm 5 cho học sinh điền số còn thiếu vào dãy số  5 ,…,15,…,25,… 50  - GV cho học sinh quan sát, tìm ra bạn viết đúng  - GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.Tiết 2 tuần 2 | - HS nghe  - HS thực hiện  - HS trả lời, nhận xét  - HS nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***Ngày soạn*** *: 08/09/2022*

***Ngày dạy*** *: Thứ Ba ngày 12 tháng 9 năm 2022*

**ĐỌC SÁCH THƯ VIỆN**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**HOẠT ĐỘNG TẬP THỂ**

**TÌM HIỂU VỀ TRUYỀN THỐNG NHÀ TRƯỜNG**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- HS biết được truyền thống giảng dạy , học tập và các phong trào thi đua , các hoạt động văn hóa , văn nghệ thể dục , thể thao của gv và hs nhà trường .

- Giáo dục hs niềm tự hào về những truyền thống tốt đẹp đó .

* Tư liệu về truyền thống vẻ vang của nhà trường .
* Tư liệu , tranh ảnh về các hoạt động văn hóa , văn nghệ , …

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG :**

***1. Hoạt động 1: Tham quan phòng truyền thống .***

- GV chuẩn bị tư liệu về truyền thống của nhà trường .

- Chọn vài hs nói to để cùng gv giới thiệu thành tích của trường .

***-***HS tham quan , tìm hiểu truyền thống của nhà trường

* GV đưa hs tham quan phòng truyền thống
* GV đưa hs tham quan phòng truyền thống của đội

GV kết luận

***2. Hoạt động 2: Luyện tập***

* HS trở về lớp, GV tổ chức cho hs thảo luận

+ Chúng ta vừa tham gia phòng truyền thống của trường các em có thấy tự hào không ?

+ Chúng ta phải làm gì để xứng đáng là hs của trường ?

- GV NX đánh giá hoạt động.

**III. TỔNG KẾT CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG**

- GV nhận xét khen những hs biết được các phòng truyền thống của trường .

- Tuyên dương những học sinh tích cực trong hoạt động, động viên , khuyến khích HS tích cực tham gia vào buổi hoạt động sau.

- Dặn dò HS chuẩn bị tiếp tục vào buổi học sau.

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**HOẠT ĐỘNG CỦNG CỐ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức:***

- Củng cố kĩ năng đọc đúng từ ngữ, biết ngắt, nghỉ sau các dấu câu, đảm bảo đúng tốc độ đọc, đọc bài lưu loát, biết đọc nhấn giọng một số từ ngữ trong bài.

- Giúp HS hiểu nội dung bài: Nhờ sự quan sát tinh tế, yêu thương quê hương tác giả thấy được tập quán sinh hoạt của loài ông và chia sẻ cho thế hệ trẻ.

***2. Năng lực.***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất yêu nước: Biết chung sức chung lòng sẽ làm được những điều lớn lao

- Phẩm chất nhân ái: Biết đoàn kết giúp đỡ nhau sẽ làm nên việc lớn

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** SGK, Vở Luyện tập Tiếng Việt; các hình ảnh phiếu bài 3/5

***2. Học sinh:*** SGK, Vở Luyện tập Tiếng Việt, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ mở đầu: ( 5ph)**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  + Giúp học sinh củng cố kiến thức, rèn kĩ năng đọc và hiểu nội dung bài, làm được các bài tập trong vở bài tập. | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành. ( 25ph)**  **Hoạt động 1:** Luyện đọc.  - Gọi 1 HS đọc cả bài Đi lấy mật.  - GV gọi HS nêu từ khó đọc, câu dài, ngắt nghỉ, nhấn giọng.  - GV: yêu cầu HS ngồi theo nhóm 4 luyện đọc.  - Gọi 1 HS lên cho các nhóm chia sẻ phần luyện đọc.  - Các nhóm khác lắng nghe và nhận xét các bạn đọc đúng yêu cầu chưa và giúp bạn đọc đúng theo yêu cầu.  - GV theo dõi các nhóm đọc bài.  - Gọi các nhóm đọc. HSNX.  - GVNX: (VD: Nhóm bạn … đọc đúng, đám bảo tốc độ hoặc nhóm bạn…. đọc bài lưu loát và đã biết đọc hay bài đọc.  - (HS, GV nhận xét theo TT 27) | - HS đọc bài: “Đi lấy mật”.  - - Luyện đọc từ khó: *lượn, chung quanh, quan trọng, vòng tròn*  - Luyện đọc diễn cảm bài văn  - Học sinh làm việc trong nhóm 4    -HS đọc bài |
| **Hoạt động 2:** Tìm hiểu nội dung bài  - GV giao bài tập HS làm bài.  - GV lệnh HS chưa đạt chuẩn làm bài tập 1/ 7 Vở Luyện tập Tiếng Việt.  - GV lệnh HS đạt chuẩn làm bài tập 1, 2/ 7,8 Vở Luyện tập Tiếng Việt.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 7 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài |
| **Hoạt động 3:** Chữa bài  - Gv Gọi 1 Hs lên điều hành phần chia sẻ trước lớp.  **\* Bài 1/7**  - Gọi HS đọc diễn cảm bài thơ: Đi lấy mật – trang 7 vở luyện tập Tiếng Việt  - Gọi HS nhận xét.  - GV nhận xét bổ sung. Chốt nội dung | 1 Hs lên chia sẻ.  Hs trình bày:  - HS đọc nối tiếp đọc:  + Đọc cá nhân: Giúp rèn luyện khả năng tư duy (suy nghĩ độc lập), phát huy khả năng tự học, khả năng làm việc độc lập…  + Đọc theo cặp: Giúp rèn luyện kĩ năng hợp tác, kĩ năng thuyết phục người khác, kĩ năng tranh luận…  + Đọc theo nhóm: Giúp rèn luyện kĩ năng hợp tác nhiều người, kĩ năng trình bày ý kiến trước đám đông, phát huy sức mạnh tập thể..  - Hs NX |
| *🡺* GV chốt: Liên hệ chăm chỉ lao động, chú ý quan sát và xây dựng môi trường sống  **\* Bài 2/8 Trả lời câu hỏi**  - Gọi Hs nêu nối tiếp bài làm: Đọc thầm và chọn đáp án Đúng giải thích vì sao?  a. Tổ ong vùng U Minh có hình gì?  b. Trong bài đọc vũ điệu báo hiệu của bầy ong là hoạt động nào?  c.Trong bài đọc tía đã chỉ cho bạn nhỏ biết đường bay của ong báo hiệu nơi khai thác như thế nào?  d. Cánh bay của ong trước khi đáp xuống báo hiệu điều gì? Nối ý ở cột A với ý thích hợp ở cột B   |  |  |  | | --- | --- | --- | | A |  | B | | Ong lượn một vòng trước khi đáp xuống |  | Là bao hiệu nơi khai thác ở xa đây | | Ong lượn hình số 8 |  | Là bấo hiệu nơi khai thác ở gần đây |   - Gv, Hs nhận xét chốt bài làm đúng  *🡺* GV chốt: Liên hệ tình đoàn kết,cần cù chăm chỉ, tính kỉ luật của loài ong | - HS chữa bài vào vở.  a. Khoanh vào C(hình nhánh kèo)  b. – Khoanh vào A(Lượn một vòng trước khi đáp xuống)  c. Khoanh vào A- Nơi khai thác gần hoặc xa  d, Học sinh nêu và làm vào vở:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | A |  | B | | Ong lượn một vòng trước khi đáp xuống |  | Là bao hiệu nơi khai thác ở xa đây | | Ong lượn hình số 8 |  | Là bấo hiệu nơi khai thác ở gần đây | |
| **3. HĐ Vận dụng: ( 5ph)**  - Gọi 1 HS đọc lại cả bài.  H: Em biết được thông điệp gì qua bài học?  *🡺* GV hệ thống bài: Mỗi chúng ta cần yêu quý và bảo vệ môi trường sống xung quanh mình để hệ sinh thái phong phú , môi trường sống trong lành, tốt đẹp hơn.  - Nhận xét giờ học.  - Dặn chuẩn bị bài sau.ôn tập tiết 2 | - Hs đọc bài.  - Mỗi loài vật có tập tính sinh hoạt riêng, chú ý quan sát hiểu để bảo vệ hệ sinh thái , sẽ giúp môi trường sống tốt đẹp hơn.  - HS nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .............................................................................................................................. | |

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

***Ngày soạn*** *: 08/09/2022*

***Ngày dạy*** *: Thứ Tư ngày 13 tháng 9 năm 2022*

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**CHỦ ĐỀ: TỰ GIỚI THIỆU VỀ MÌNH**

**Sinh hoạt theo chủ đề: SỞ THÍCH CỦA EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Học sinh giới thiệu được những sở thích khả năng riêng.

- Giới thiệu những sở thích của em và sản phẩm được làm theo sở thích.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: bản thân tự tin về sở thích , khả năng riêng của bản thân trước tập thể.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:Biết xây dựng cho mình hình ảnh đẹp trước bạn bè (sạch sẽ, gọn gàng, mặc lịch sự,…).

- Năng lực giao tiếp và hợp tác:Biết chia sẻ với bạn về hiểu biết của mình về chăm sóc bản thân để có hình ảnh đẹp.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: tôn trọng bạn, yêu quý và cảm thông về hình ảnh cảu bạn..

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để xây dựnh hình ảnh bản thân trước tập thể.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức với lớp, tôn trọng hình ảnh của bạn bè trong lớp.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.HĐ mở đầu: ( 5ph)** | |
| - GV tổ chức trò chơi “Đoán xem tôi thích làm gì?” để khởi động bài học.  + GV mời 3 HS lên trên bảng làm thử động tác cơ thể thể hiện một hoạt động mình thích làm. HS ở dưới giơ tay đoán. Ai đoán đúng được khen.  + Lớp chia thành 1 nhóm lớn đứng thành vòng tròn và lần lượt làm động tác cơ thể, thể hiện việc mà mình thích làm, các bạn khác đoán.    - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS lắng nghe.  -HS xếp thành nhóm lớn và làm theo yêu cầu  - HS trong nhóm trình bày.  - HS khác lắng nghe. |
| **2. HĐ Khám phá***: (10ph)* | |
| **\* Hoạt động 1: Chia sẻ sở thích của em. (làm việc cá nhân)**  **-** GV Yêu cầu HS suy nghĩ về các sở thích của mình và giới thiệu các sở thích riêng của mình bằng cách vẽ một bông hoa .Mỗi sở thích được thể hiện trên một cánh hoa.  - Chia sẻ những sở thích riêng của mình trước lớp.  - GV mời các HS khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  - GV chốt ý và mời HS đọc lại.  *Mỗi người đều thích làm một việc hoặc một số việc nào đó. Điều ấy tạo nên sở thích-sự khác biệt của mỗi con người.* | - Học sinh đọc yêu cầu bài và suy nghĩ để tìm ra những sở thích riêng của mình.  - Một số HS chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét ý kiến của bạn.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu lại nội dung |
| **3. HĐ Luyện tập***: ( 15ph)* | |
| **Hoạt động 2. Tạo hình sản phẩm những sở thích của em. (Làm việc nhóm 2)**  - GV nêu yêu cầu học sinh thảo luận nhóm 2:  + Tạo hình sở thích của mình bằng những nguyên liệu em có: lá cây, viên sỏi, cúc áo, sợi len,...  + Chú ý nhấn mạnh những sở thích của em  + Giới thiệu với bạn sở thích của em qua sản phẩm.  - GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương. | - Học sinh chia nhóm 2, đọc yêu cầu bài và tiến hành thảo luận.  - Đại diện các nhóm giới thiệu về sở thích riêng của nhóm qua sản phẩm.  - Các nhóm nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **4. HĐ Vận dụng. ( 5ph)** | |
| - GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà cùng với người thân:  + Chuẩn bị sản phẩm thể hiện sở thích riêng của mình và sở thích riêng của những người thân trong gia đình.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**HOẠT ĐỘNG CỦNG CỐ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+Tìm và viết được theo nhóm các từ ngữ chỉ màu sắc. hình dáng, hương vị

+ Mở rộng kết hợp từ chỉ sự vật với từ chỉ màu sắc, kích thước, hương vị

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với các dạng bài tập Tiếng Việt.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở Luyện tập Tiếng Việt; máy soi (BT5)

***2. Học sinh:*** Vở Luyện tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ mở đầu: ( 5ph)**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  +Tìm và viết được theo nhóm các từ ngữ chỉ màu sắc. hình dáng, hương vị  + Mở rộng kết hợp từ chỉ sự vật với từ chỉ màu sắc, kích thước, hương vị | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.( 25ph)**  **Hoạt động 1:** Luyện tập  - GV củng cố về từ chỉ đặc điểm, từ chỉ sự vật  + Gọi 2 HS nêu lại  + HD HS nhận xét  + GV hướng dẫn HS viết bài vào vở | - HS nghe.  - HS nối tiếp nêu lại nội dung đã học.  - Học sinh làm việc cá nhân: lấy ví dụ  -HS viết bài vào vở luyện tập Tiếng Việt |
| **Hoạt động 2:** HDHS làm bài tập  - GV giao bài tập HS làm bài.  - GV lệnh HS chưa đạt chuẩn làm bài tập 1,2/8,9 Vở Luyện tập Tiếng Việt.  - GV lệnh HS đạt chuẩn làm bài tập 1,2, 3/ 8,9Vở Luyện tập Tiếng Việt.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 7 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài |
| **Hoạt động 3:** Chữa bài  - Gv Gọi 1 Hs lên điều hành phần chia sẻ trước lớp.  **\* Bài 1/8:**  Xếp các từ ngữ in đậm dưới đây vào nhóm phù hợp :   1. Những anh gọng vó **đen sạm**, **gầy** và **cao** , nghênh cặp châm gọng vó đứng trên bãi lầy bái phục nhìn theo chúng tôi. Những ả cua kềnh cũng giương đôi mắt **lồi**, âu yếm ngó theo Tô Hoài   b.Ăn vào mát mẻ  là trái thanh long  **Xanh** và **đỏ** lòng  Là trái dưa hấu  Hình thù rất xấu  Là trái sầu riêng  **Vàng đỏ xanh** viền  Dưa gang **thơm mát**  Da **sần đen** hạt  Là trái mãng cầu  **Cong** giống móc câu  Chuối già , chuối sứ.  Đồng dao   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Từ chỉ màu sắc | Từ chỉ kích thước, hình dáng | Từ chỉ hương vị | | a |  |  |  | | b |  |  |  |   - GV gọi 1 hs nêu yêu cầu.  - GV cho HS đọc kết quả.  - GV nhận xét, chốt kết quả.  - HS đọc lại bài viết  *🡺 Cho HS nhắc lại đặc điểm của : từ chỉ hình dáng, màu sắc, hương vị* | -1 Hs đọc bài làm vở, phiếu, lên chia sẻ trước lớp.  -Hs trình bày:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Từ chỉ màu sắc | Từ chỉ kích thước, hình dáng | Từ chỉ hương vị | | a | Đen sạm | Gầy, cao, lồi |  | | b | Xanh, đỏ, vàng xanh đỏ, đen | Sần, cong | Thơm mát |   - HS chữa bài vào vở. |
| **\* Bài 2/9: Tìm thêm các từ ngữ chỉ màu sắc .kích thước, hình dáng và hương vị**  + Từ chỉ màu sắc:…  +Từ chỉ kích thước, hình dáng:…  +Từ chỉ hương vị:…  - GV gọi 1 hs nêu yêu cầu.  - GV cho HS chia sẻ trong nhóm đôi.  - GV cho HS chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  *🡺 GV nhắc lại quy tắc kết hợp từ để tạo các từ theo chủ đề hay nhóm nghĩa.* | - Hs nêu*.*  - HS chia sẻ trong nhóm đôi.  - 4,5HS chia sẻ.  + Từ chỉ màu sắc:tím, vàng, lục, lam, chàm, nâu, nấu xám, nâu đỏ, đỏ tía, đỏ đô, xanh biếc, vàng óng, tím ngắt…  +Từ chỉ kích thước, hình dáng:lênh khênh, cao vời vợi, mập ú, gầy nhom, còm cõi,…  +Từ chỉ hương vị:thơm ngát, thoang thoảng, ngào ngạt… |
| **Bài 3/9:**  Đặt câu với từ ngữ tìm được trong mỗi nhóm trên    - GV gọi 1 hs nêu yêu cầu.  - GV cho HS chia sẻ trong nhóm đôi.  - GV cho HS chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  *🡺 GV nhắc lại đặc điểm từ chỉ hoạt động* | Nối tiếp nêu bài làm, làm vở, 3 em làm phiếu nhóm và nêu giải thích  +Sau cơn mưa,vườn rau lên xanh biếc.   +Bầu trời trong xanh ,cao vời vợi.  + Hương lúa thơm ngát, ngào ngạt phả vào mặt mát rượi, nồng nàn. |
| **3. HĐ Vận dụng: ( 5ph)**  - Nêu cách kết hợp tạo từ theo chủ điểm, nhóm cho trước  - Đặt câu với từ chỉ đặc điểm màu sắc, hình dáng.  - Gọi HS NX  - GV Chốt, nhận xét, bổ sung, tuyên dương HS.  - Nhận xét giờ học.  - Dặn chuẩn bị bài sau.tiết 3 tuần 2 | - HS nối tiếp nêu  - HS chia sẻ. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..........................................................................................................................  .......................................................................................................................... | |

**-----------------------------------------------------------------------------------------------**

***Ngày soạn*** *: 08/09/2022*

***Ngày dạy*** *: Thứ Năm ngày 14 tháng 9 năm 2022*

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**

**CHỦ ĐỀ 1: GIA ĐÌNH**

**Bài 02: PHÒNG TRÁNH HỎA HOẠN KHI Ở NHÀ (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù: Sau khi học, học sinh sẽ:**

- Nêu được một số nguyên nhân dẫn đến cháy nhà và nêu được những thiệt hại có thể xảy ra (về người, về tài sản,...) do hỏa hoạn.

- Phát hiện được một số vật dễ cháy và giải thích được vì sao không được đặt chúng ở gần lửa.

- Thực hành ứng xử trong tình huống giả định khi có cháy xảy ra.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Có biểu hiện chú ý học tập, tự giác tìm hiểu bài để hoàn thành tốt nội dung tiết học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có biểu hiện tích cực, sáng tạo trong các hoạt động học tập, trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có biểu hiện tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm. Có khả năng trình bày, thuyết trình… trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Biết cách ứng xử trong tình huống có cháy xảy ra ở nhà mình hoặc nhà người khác.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc. Có ý thức phòng tránh hỏa hoạn và tôn trọng những quy định về phòng cháy.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Tranh ảnh, tư liệu về một số vụ hỏa hoạn.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ mở đầu:** ( 5ph) | |
| - Em đã nhìn thấy cháy nhà trong thực tế hoặc trên truyền hình chưa?  - Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến cháy nhà?.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS trả lời.  - Nguyên nhân: Cháy nhà do đun nấu bằng bếp củi (rơm, rạ), bếp ga, do chập điện,...  - HS lắng nghe. |
| **2. HĐ Khám phá***: ( 10ph)* | |
| **Hoạt động 1. Tìm hiểu về nguy cơ/ nguyên nhân cháy nhà. (làm việc cá nhân)**  **-** GV chia sẻ 4 bức tranh và nêu câu hỏi. Sau đó mời học sinh quan sát và trình bày kết quả.  + Điều gì xảy ra trong mỗi hình?  + Những nguyên nhân nào dẫn đến cháy nhà?    - GV mời các HS khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  - GV chốt HĐ1 và mời HS đọc lại.  *Những nguy cơ dẫn đến cháy nhà: đốt rác, rơm rạ gần đống rơm; vừa sặc điện thoại vừa sử dụng, chập điện, để vật dễ bén lửa gần bếp đun nấu,...* | - Học sinh đọc yêu cầu bài và tiến trình bày:  + H1: Đốt rác bén vào đống rơm gay cháy nhà.  + H2: Chập điện gây cháy nhà.  + H3: Sặc điện thoại gây cháy nhà.  + H4: Để những vật dễ bén lửa gần bếp củi đang đun nấu.  - Những nguyên nhân dẫn đến cháy nhà: đốt rác, rơm rạ; vừa sặc điện thoại vừa sử dụng, chập điện, để vật dễ bén lửa gần bếp đun nấu,...  - HS nhận xét ý kiến của bạn.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu lại nội dung HĐ1 |
| **Hoạt động 2. Những nguyên nhân khác gây cháy và cách phòng tránh cháy. (làm việc nhóm 2)**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2.  + Nêu các nguyên nhân khác có thể dẫn đến cháy?  - GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương và bổ sung thêm: *Nguyên nhân khác gây cháy: đốt vàng mã, trẻ em đùa nghịch lửa, không chú ý khi châm hương,...*  **Hoạt động 3. Những thiệt hại do cháy gây ra và cách phòng tránh cháy. (làm việc nhóm 2)**  + Cháy gây thiệt hại gì?    + Cách phòng cháy?  - GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương và bổ sung thêm:  - GV chiếu rên màn hình một số thiệt hại do cháy gây ra  - GV chốt nội dung HĐ2 và mời HS đọc lại:  *+ Hậu quả: Cháy nhà gây thiệt hại về người (bị bỏng, chết); thiệt hại về tài sản (hư hỏng đồ dùng, nhà cửa,..).*  *+ Cách phòng tránh cháy: Không để vật dễ cháy nơi đun nấu; Hệ thống điện phải lắp Aptomat tự ngắt toàn nhà; Đun bếp phải trông coi,...*  **Hoạt động 4. Cách xử lí khi có cháy (làm việc nhóm 4)**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4.  + Mọi người trong hình làm gì?  + Nêu nhận xét của em về cách ứng xử đó?    - GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương và bổ sung thêm:  + H6,7,8 là cách xử lí hợp lí khi xảy ra cháy.  + H9: cách xử lí không hợp lí khi xảy ra cháy. | - Học sinh chia nhóm 2, đọc yêu cầu bài và tiến hành thảo luận.  - Đại diện các nhóm trình bày:  + Nguyên nhân gây cháy: không cẩn thận khi đốt rác, rơm rạ gần đống rơm; vừa sặc điện thoại vừa sử dụng, chập điện, để vật dễ cháy nơi đun nấu, đốt vàng mã, trẻ em đùa nghịch lửa, không chú ý khi châm hương,...  - Học sinh chia nhóm 2, đọc yêu cầu bài và tiến hành thảo luận.  - Đại diện các nhóm trình bày:  \* Hậu quả: Cháy nhà, thiệt hại về người (bị bỏng, chết); thiệt hại về tài sản (hư hỏng đồ dùng, nhà cửa,..).  \* Cách phòng tránh cháy:  - Không để vật dễ cháy nơi đun nấu.  - Hệ thống điện phải lắp Aptomat tự ngắt toàn nhà  - Đun bếp phải trông coi.  ...  - Đại diện các nhóm nhận xét.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu lại nội dung HĐ3  - Học sinh chia nhóm 4, đọc yêu cầu bài và tiến hành thảo luận.  - Đại diện các nhóm trình bày:  + H6: Mọi người thoát khỏi đám cháy bằng cách bò thoát bằng cầu thang bộ.  + H7: Bế em bé chạy ra ngoài đám cháy và kêu cứu.  + H8: Gọi cứu hỏa  + H9: Đổ nước và đám cháy điện: nguy hiểm gây cháy chập lớn hơn và điện giật chết người. |
| **3. Luyện tập***: ( 15ph)* | |
| **Hoạt động 5. Thực hành điều tra, phát hiện những thứ có thể gây cháy nhà em theo gợi ý. (Làm việc nhóm 4)**  - GV chia sẻ sơ đồ và nêu câu hỏi. Sau đó mời các nhóm tiến hành thảo luận và trình bày kết quả.    - GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  - Bài 2,3: GVHD HS hoàn thành vào vở bài tập | - Học sinh chia nhóm 4, đọc yêu cầu bài và tiến hành thảo luận.  - Đại diện các nhóm trình bày:  + Chai dầu thắp- bếp ga, bếp lửa  + Bao diêm- bếp ga, bếp lửa  + Nến- bếp ga, bếp lửa - Các nhóm nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **4. HĐ Vận dụng. ( 5ph)** | |
| - GV tổ chức trò chơi “Cứu hỏa”:  - GV hô: Có cháy! Có cháy!  - GV hô: Cháy ở khu vực nhà bếp  - GV đánh giá, nhận xét trò chơi.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - HS lắng nghe luật chơi.  - HS hô: Cháy ở đâu?  - HS nêu cách xử lí  - Học sinh tham gia chơi: |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**HOẠT ĐỘNG CỦNG CỐ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+Củng cố bảng nhân, bảng chia 3 (ôn tập).

+ Tìm thừa số, tích, số chia, số bị chia

+Giải toán liên quan đến bảng chia . nhân 3

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ mở đầu: ( 5ph)**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  +Củng cố bảng nhân, bảng chia 3 (ôn tập).  + Tìm thừa số, tích, số chia, số bị chia  +Giải toán liên quan đến bảng chia . nhân 3 | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành. ( 25ph)**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 9 Vở luyện tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 9 Vở luyện tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Tính/VLT tr9**  **a**.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Thừa số | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | | Thừa số | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | | Tích |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   b.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số bị chia | 3 | 6 | 9 | 12 | 15 | 18 | 21 | 24 | 27 | 30 | | Số chia | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | | Thương |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   - Cho HS tính kết quả ghi vở    - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *🡺 Gv chốt Củng cố bảng nhân, chia 3* | -HS nêu cách làm nối tiếp nêu và viết vở  - HS nối tiếp trả lời  a/   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Thừa số | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | | Thừa số | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | | Tích | 3 | 6 | 9 | 12 | 15 | 18 | 21 | 24 | 27 | 30 |   b/   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số bị chia | 3 | 6 | 9 | 12 | 15 | 18 | 21 | 24 | 27 | 30 | | Số chia | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | | Thương | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |   - Học sinh nhận xét chữa bài |
| **\* Bài 2: Nối hai phép tính có cùng kết quả (theo mẫu) (VLT/9)**    - GV cho học sinh làm vở, nêu giải thích cách làm  - Cho học sinh nhận xét  - GV nhận xét, khen học sinh làm nhanh – đúng và chốt đáp án.  *🡺 Gv chốt các bước thực hiện cộng trừ cố có 3 chữ số* | - HS nêu cách thực hiện  - HS thực hiện làm bài vào vở, đổi vở soát nêu giải thích cách làm    - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát |
| **\* Bài 3: VLT/9 :**  Quãng đường từ nhà bạn Nguyên về đến quê dài 110 km, gồm một đoạn đường cao tốc và đoạn đuòng còn lại dài 42 km. Hỏi đoạn đường cao tốc đó dài bao nhiêu ki-lô-mét  - GV cho học sinh nêu toán tắt đề , tìm hiểu cách giải , thực hiện phiếu nhóm, vở  - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức  *🡺 Gv chốt cách giải và trình bài toán có lời văn dạng với phép tính cộng trừ* | - 1 HS lên bảng làm bài  Bài giải  Quãng đường cao tốc đó dài là:  110-42= 68 (km)  Đáp số: 68 km  -HS làm vở, đổi vở soát, nhận xét |
| **\* Bài 4: VLT/9**  Viết tiếp vào chỗ chấm thích hợp.  Rô-bốt lập các phép nhân có hai thừa số là hai trong ba số 2,3,5  -Kết quả lớn nhất Rô-bốt nhận được là…  -Kết quả bé nhất Rô-bốt nhận được là…  - GV gọi 1 hs nêu  - GV nhận xét, chốt kết quả:  *🡺 Gv chốt cách tìm tích lớn nhất và tích nhỏ nhất lập từ các số cho trước* | Hs đọc đề nêu cách làm  -Hs nêu cách tìm:  -Kết quả lớn nhất Rô-bốt nhận được là  **3 x 5 = 15**  -Kết quả bé nhất Rô-bốt nhận được là: **2x3 =6** |
| **3. HĐ Vận dụng**  - Đọc bảng nhân, bảng chia 3  - GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tuần 3 tiết 1 | - HS nghe  - HS thực hiện  - HS trả lời, nhận xét  - HS nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***Ngày soạn*** *: 06/09/2022*

***Ngày dạy*** *: Thứ Sáu ngày 15 tháng 9 năm 2022*

**AN TOÀN GIAO THÔNG**

**BÀI 2: GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**I- YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức:**

* HS nhận biết được GTĐB.
* Tên gọi các loại đường bộ, nhận biết điều kiện, đặc điểm của các loại GTĐB về mặt an toàn và chưa an toàn.
* Phân biệt được các loại đường bộ và biết cách đi trên các con đường một cách an toàn.
* Giáo dục HS thực hiện đúng luật GTĐB.

**2. Năng lực:**

* Đặc điểm của đường bộ.
* Quy định về ATGT đường bộ.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.Giáo viên**: tranh, ảnh các hệ thống đường bộ

***2. Học sinh***: sưu tầm tranh, ảnh về các loại đường giao thông.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ mở đầu: ( 5ph)**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu nêu cầu cần đạt của tiết học: | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.( 25ph)**  **HĐ1:** GT các loại đường bộ.  -HS biết được đặc điểm của giao thông và hệ thống đường bộ Việt Nam.  Phân biệt các loại đường bộ  **b- Cách tiến hành:**   * Treo tranh. * Nêu đặc điểm đường, xe cộ của từng tranh? * Mạng lưới GTĐB gồm các loại đường nào? * Cho HS xem tranh đường đô thị. * Đường trong tranh khác với đường trên như thế nào? * Thành phố Việt Trì có những loại đường nào?   \*KL: Mạng lưới GTĐB gồm:   * Đường quốc lộ. * Đường tỉnh. - Đường huyện - Đường xã.   **2-HĐ2:** Điều kiện an toàn và chưa an toàn của đường bộ:  b- Cách tiến hành:   * Chia nhóm. * Giao việc:   Đường như thế nào là an toàn?        Đường như thế nào là chưa an toàn?        Tại sao đường an toàn mà vẫn xảy ra tai nạn?  **2-HĐ3: Qui định đi trên đường bộ.**  - HS thực hành đi trên tranh ảnh.  **3. HĐ Vận dụng: ( 5ph)**  Củng cố kỹ năng đi bộ khi đi đường.  \****Cách tiến hành:***  Cho HS ra sân.  -Hệ thống kiến thức.  -Thực hiện tốt luật GT. | * - QS tranh.      * HS nêu. * Đường quốc lộ. * Đường tỉnh.   Đường huyện   * Đường xã.      * HS nêu.      * HS nêu.      * HS nhắc lại. * Cử nhóm trưởng.      * Đường có vỉa hè, có dải phân cách, có đèn tín hiệu, có đèn điện vào ban đêm, có biển báo hiệu   GTĐB…   * Mặt đường không bằng phẳng, đêm không có đèn chiếu sáng, vỉa hè có nhiều vật cản che khuất tầm nhìn… * Ý thức của người tham gia giao   thông chưa tốt  -Thực hành đi bộ an toàn. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .........................................................................................................................  .......................................................................................................................... | |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**HOẠT ĐỘNG CỦNG CỐ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Củng cố bảng nhân, chia 5 (ôn tập).

+ Thực hiện giải toán có lời văn liên quan đến bảng nhân chia 5

+Củng cố về so sánh biểu thức số (bổ sung)

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ mở đầu: ( 5ph)**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  + Củng cố bảng nhân, chia 5 (ôn tập).  + Thực hiện giải toán có lời văn liên quan đến bảng nhân chia 5  +Củng cố về so sánh biểu thức số (bổ sung) | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành. ( 25ph)**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 8 Vở luyện tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 8 Vở luyện tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng** **VLT tr.8**  **a**.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Thừa số | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | | Thừa số | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | | Tích |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   b.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số bị chia | 5 | 10 | 15 | 20 | 25 | 30 | 35 | 40 | 45 | 50 | | Số chia | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | | Thương |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *🡺 Gv chốt cách xem giờ , các điểm thẳng hàng* | Học sinh trả lời cách nhẩm, ghi vở  - HS nối tiếp trả lời kết quả  **a**.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Thừa số | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | | Thừa số | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | | Tích | 5 | 10 | 15 | 20 | 25 | 30 | 35 | 40 | 45 | 50 |   b.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số bị chia | 5 | 10 | 15 | 20 | 25 | 30 | 35 | 40 | 45 | 50 | | Số chia | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | | Thương | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |   - Học sinh đổi vở soát ,nhận xét |
| **\* Bài 2: >;<;= ? (VLT/8)**   a/ 3 x 5 …. 40 : 5 b/ 10 …30:3  c/ 35 : 5 … 3 x 2 d/ 50 : 5 …3x 4  - Cho học sinh tìm hiểu đề làm vở, 2 học sinh làm phiếu nhóm  - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.  *🡺 Gv chốt cách giải và trình bày so sánh biểu thức số* | - HS lắng nghe cách thực hiện  - HS thực hiện làm bài  a/ 3 x 5 > 40 : 5 b/ 10 = 30:3  c/ 35 : 5 > 3 x 2 d/ 50 : 5 <3x 4  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát |
| **\* Bài 3: VLT/8**  Lớp 3A có 30 học sinh. Cô giáo chia các bạn thành nhóm để chăm sóc cây xanh trong vườn trường, mỗi nhóm có 3 bạn. Hỏi cô giáo chia được bao nhiêu nhóm  - GV cho học sinh lên thực hiện tìm hiểu đề , cách làm và làm bài  - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức  *🡺 Gv chốt cách trình bày toán có lời văn* | - 1 HS lên bảng làm bài hoặc làm phiếu nhóm  Lớp làm vở, đổi vở soát , nhận xét nêu cách làm  Bài giải  Cô giáo chia được số nhóm là:  30:3 =10 (nhóm)  Đáp số 10 nhóm  -HS liên hệ |
| **\* Bài 4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm -VLT/8**  Rô -bốt có các thẻ ghi số từ 1 đến 10. Lấy 5 nhân với số ghi trên mỗi thẻ. Kết quả lớn nhất mà Rô bốt nhận được là…  - GV gọi 1 hs nêu  - GV nhận xét, chốt kết quả:  *🡺 Gv chốt muốn tìm tích lớn nhất thì 2 thừa số phải là số lớn nhất vì thừa số càng lớn tích càng lớn.* | Hs đọc đề nêu cách làm  -Hs nêu kết quả:  Kết quả lớn nhất mà Rô bốt nhận được là**:5x 10 =50** |
| **3. HĐ Vận dụng: ( 5ph)**  - GV cho học sinh đọc bảng nhân, bảng chia 2,5  - GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.tiết 3 tuần 2 | - HS nghe  - HS thực hiện  - HS trả lời, nhận xét  - HS nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**HOẠT ĐỘNG CỦNG CỐ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+Vận dụng viết được đoạn văn kể về việc mình được đi chợ hay siêu thị cùng bố hoặc mẹ hay anh chị.

+ Củng cố kĩ năng phân biệt g/gh khi viết chính tả.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với các dạng bài tập Tiếng Việt.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở Luyện tập Tiếng Việt; máy soi (BT3)

***2. Học sinh:*** Vở Luyện tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ mở đầu : ( 5ph)**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  +Vận dụng viết được đoạn văn kể về việc mình được đi chợ hay siêu thị cùng bố hoặc mẹ hay anh chị.  + Củng cố kĩ năng phân biệt g/gh khi viết chính tả. | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.( 25ph)**  **Hoạt động 1:** Luyện tập  - GV củng cố về phân biệt chính tả g/gh, viết được đoạn văn kể về việc mình được đi chợ hay siêu thị cùng bố hoặc mẹ hay anh chị.  + Gọi 2 HS nêu lại  + HD HS nhận xét  + GV hướng dẫn HS viết bài vào vở | - HS nghe.  - HS nối tiếp nêu lại nội dung đã học.  - Học sinh làm việc cá nhân: lấy ví dụ  -HS viết bài vào vở luyện tập Tiếng Việt |
| **Hoạt động 2:** HDHS làm bài tập  - GV giao bài tập HS làm bài.  - GV lệnh HS chưa đạt chuẩn làm bài tập 1,3/10Vở Luyện tập Tiếng Việt.  - GV lệnh HS đạt chuẩn làm bài tập 1,2, 3/10 Vở Luyện tập Tiếng Việt.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 7 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài |
| **Hoạt động 3:** Chữa bài  - Gv Gọi 1 Hs lên điều hành phần chia sẻ trước lớp.  **\* Bài 1/10: Điền g hoặc gh vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu ca dao sau:**   a/Con cò lặn lội bờ sông  …ánh …ạo đưa chồng, tiếng khóc nỉ non  b/ Ai về đến huyện Đông Anh  …é xem phong cảnh Loa Thành Thục vương  - GV gọi 1 hs nêu yêu cầu.  - GV cho HS đọc kết quả.  - GV nhận xét, chốt kết quả.  - HS đọc lại bài viết  *🡺 Chốt quy tắc viết g và gh.* | -1 Hs lên chia sẻ.  Đọc bài viết vở  -Hs nối tiếp trình bày kết quả:  a/Con cò lặn lội bờ sông  **G**ánh **g**ạo đưa chồng, tiếng khóc nỉ non  b/ Ai về đến huyện Đông Anh  **Gh**é xem phong cảnh Loa Thành Thục vương  - HS đọc lại các câu vè và chữa bài vào vở. |
| **\* Bài 2/10: Điền tiếng bắt đầu bằng g vào chỗ trống để hoàn chỉnh câu tục ngữ**  Gà đẻ,… cục tác.  Gần mực thì đen,… đèn thì sáng  - GV gọi 1 hs nêu yêu cầu.  - GV cho HS chia sẻ trong nhóm đôi.  - GV cho HS đọc lại trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  *🡺 GV nêu nội dung ý nghĩa câu, tục ngữ, liên hệ giáo dục sống biết chọn bạn chơi để không bị ảnh hưởng xấu* | - Hs nêu*.*  - HS chia sẻ trong nhóm đôi.  - 4,5HS chia sẻ.  Gà đẻ,**gáy** cục tác.  Gần mực thì đen,**gần** đèn thì sáng |
| **Bài 3/10:** Viết đoạn văn ( 4- 5 câu )kể lại một buổi em được đi chợ hoặc siêu thị cùng mẹ/bố/anh chị.  Gợi ý:  Giới thiệu em đã cùng mẹ/ bố/ anh chị đi chợ hay siêu thị nào? ở đâu?đã làm việc gì, hoàn cảnh nào, thời gian nào  Suy nghĩ của em sau buổi đó | Nối tiếp đọc đoạn viết của mình:  Ví dụ:  Một ngày chủ nhật mới bắt đầu. Đây cũng là ngày mà em cùng gia đình được nghỉ ngơi vui chơi bên nhau nhưng chủ nhật vừa rồi em vui chơi vì cả nhà đi mua sắm ở siêu thị Lan Chi . Bước vào của chào đón gia đình em là cô chú nhân viên khoác chiếc áo màu đỏ có ghi lô gô của siệu thị. Ôi chao! Bên trong ngập tràn hàng hóa với nhiều màu sắc , chủng loại khác nhau. Em thích nhất là quầy sách với đủ loại sách khoa học, truyện, tập tô… được sếp ngay ngắn trên kệ theo hàng lối và có ghi rõ biển báo loại sách nào….. |
| **3. HĐ Vận dụng : (5ph)**  - Nói lại những việc làm mình thường xuyên giúp đỡ gia đình  - Nói về dự định hay ước mơ của em trong thời gian tới mình sẽ cùng bố mẹ- gia đình mình làm gì ?....  - GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương HS.  - Nhận xét giờ học.  - Dặn chuẩn bị bài sau.Ôn tập tuần 3 | - HS thực hiện, nối tiếp chia sẻ  - HS chia sẻ. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .........................................................................................................................  .......................................................................................................................... | |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_